

令和 4 年 4 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯 浅 敏 晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	62.4 t	7.58	3.0 cm	13.5 °C	
放流量	61.7 t	7.69	50.0 cm	13.8 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	272 KWH	3,942 KWH	6.60 t	
日平均使用量	8.8 KWH	127.2 KWH	0.21 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	5台: 3.37t	28台: 43.37t	34台: 19.53t	6台: 15.33t	1台: 2.00t	
前月累計						
年度計	5台: 3.37t	28台: 43.37t	34台: 19.53t	6台: 15.33t	1台: 2.00t	

小 計	
月計	74台: 83.60 t
前月累計	
年度計	74台: 83.60 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	74台: 83.60 t
前月累計	t	台: t
年度計	t	74台: 83.60 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	40台	209 m ³
前月累計	台	m ³
年度計	40台	209 m ³

項目	日
搬入日数	17
日平均搬入数量	4.92 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	83.60 t	74台	スケール分散剤	40.00 kg
5	t	台	凝集剤 パック	100.00 kg
6	t	台	凝集助剤 ポリマ	1.00 kg
7	t	台	固形塩素剤	3.00 kg
8	t	台	脱水助剤 104	kg
9	t	台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清 缶 剤	kg
12	t	台	並 塩	kg
1	t	台	リ ン 酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚 泥 量	m ³
			脱水ケーキ量	t
計	83.60 t	74台	脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	曇/晴	1 °C	4 °C	-1 °C
2		°C	°C	°C
3		°C	°C	°C
4	晴	5 °C	11 °C	2 °C
5	晴	10 °C	13 °C	4 °C
6	雨/晴	6 °C	6 °C	-1 °C
7	曇	2 °C	8 °C	-1 °C
8	曇/晴	3 °C	7 °C	1 °C
9		°C	°C	°C
10		°C	°C	°C
11	晴	9 °C	18 °C	7 °C
12	晴	10 °C	19 °C	4 °C
13	曇	6 °C	8 °C	1 °C
14	晴	3 °C	9 °C	1 °C
15	晴	2 °C	10 °C	1 °C
16		°C	°C	°C
17		°C	°C	°C
18	曇	5 °C	13 °C	2 °C
19	晴	6 °C	13 °C	1 °C
20	晴	12 °C	16 °C	5 °C
21	晴	16 °C	19 °C	7 °C
22	晴	12 °C	17 °C	10 °C
23		°C	°C	°C
24		°C	°C	°C
25	晴	14 °C	17 °C	5 °C
26	曇	11 °C	17 °C	9 °C
27	晴	12 °C	15 °C	10 °C
28	晴	10 °C	13 °C	3 °C
29		°C	°C	°C
30		°C	°C	°C
1		°C	°C	°C